

Bản án số: 577/2022/HC- PT

Ngày: 29/11/2022

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hoa;

Các Thẩm phán: Ông Chu Thành Quang;

Ông Nguyễn Xuân Phách.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 122/2022/TLPT-HC ngày 06 tháng 4 năm 2022, về “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính”, do có kháng cáo của Người khởi kiện đối với Bản án Hành chính sơ thẩm số 15/2021/HC- ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10672/2022/QĐXX-PT ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa đương sự sau:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T; sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ dân phố Đ K, thị trấn T L, huyện Q H, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Mai Th; địa chỉ: Số 158, đường PKB, phường C V, quận BĐ, thành phố Hà Nội. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Lương Quang T – Văn phòng Luật sư An Thái, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: số 3, phố Tô Hiệu, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Có mặt

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) huyện P H(nay là huyện Q H), tỉnh Cao Bằng: Ông Nguyễn Thành H. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Xuân A; chức vụ: Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng: Ông Chu Đức Q; chức vụ: Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng. Có mặt

3.2. Ban quản lý khu kinh tế (Viết tắt là BQLKKT) tỉnh Cao Bằng

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Kiên C - Trưởng ban

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh H; chức vụ: Chuyên viên Phòng quản lý đầu tư-Quy hoạch xây dựng-Tài nguyên Môi trường (Giấy ủy quyền số 1903 ngày 23/11/2022). Có mặt.

3.3. Ban quản lý cửa khẩu Tà Lùng, huyện Q H, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn H- Trưởng ban. Vắng mặt

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh H; chức vụ: Chuyên viên Phòng quản lý đầu tư-Quy hoạch xây dựng-Tài nguyên Môi trường (Giấy ủy quyền số 289 ngày 29/11/2022). Có mặt.

3.4. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên CT (Viết tắt là Công ty CT)

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Bá T1- Giám đốc. Có mặt

3.5. Ông Trương Thanh B. Vắng mặt

3.6. Ông Hoàng Văn P. Vắng mặt

3.7. Ông Nguyễn Văn H1. Vắng mặt

3.8. Ông Lê Bá D; sinh năm 1967. Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt

Cùng địa chỉ: xóm P T, thị trấn T L, huyện Q H, tỉnh Cao Bằng

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Nguyễn Văn T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người khởi kiện trình bày: Năm 2010, gia đình ông T mua một phần diện tích đất thổ cư của gia đình ông Trương Văn B và vợ là Hoàng Thị L, địa chỉ trú tại xóm P T, thị trấn T L, huyện P H(Q H), tỉnh Cao Bằng. Diện tích đất và tài sản hoa màu, cây cối trên đất đã được xác định tại buổi bàn giao mốc giới giữa gia đình ông B và bà L với gia đình ông T (có giấy mua bán, được hai bên chấp thuận, có xác nhận của ông trưởng xóm và UBND thị trấn T L).

Sau khi nhận chuyển nhượng đất với ông B, được sự cho phép của các cơ quan chức năng có thẩm quyền tại địa phương, gia đình ông T đầu tư nhiều tiền của để cải tạo đất đai. Ông T còn xây dựng nhà ở và công trình phụ gồm: 13 phòng trọ và nhiều hạng mục công trình khác phục vụ cho việc làm bến bãi bốc hàng hóa. Trong quá trình sử dụng đất gia đình ông T không có tranh chấp với

bất kỳ ai, sử dụng đất đúng mục đích.

Ngày 28/12/2015, gia đình ông T bị chính quyền đem máy xúc đến phá hoại toàn bộ nhà cửa bằng thông báo, kế hoạch do Chủ tịch UBND huyện P H(Q H) ký.

Sau khi làm đơn khiếu nại gửi tới lãnh đạo UBND huyện P H(Q H), ngày 30/8/2016, chủ tịch UBND huyện P H(Q H) ra Quyết định giải quyết khiếu nại số 1353/QĐ-UBND có nội dung bác khiếu nại của ông T. Không đồng ý với quyết định này nên ông T đã khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, yêu cầu giải quyết:

- Hủy bỏ quyết định 1353/QĐ-UBND ngày 29/08/2016 (Viết tắt là Quyết định số 1353) của Chủ tịch UBND huyện P H(Q H) và trả lại diện tích đất 3175,8m² cho gia đình ông T.

- Yêu cầu ông Đinh Bế H – Chủ tịch UBND huyện P H(Q H), tỉnh Cao Bằng bồi thường toàn bộ tài sản trên đất bị phá hoại với số tiền theo bảng kê là 526.300.000^d (Năm trăm hai mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng) và bồi thường thiệt hại kinh doanh trên đất từ tháng 12 năm 2015 đến ngày Tòa án xét xử gồm 13 phòng trọ x 1.000.000 đồng/01 phòng/01 tháng x tổng số tháng đến ngày Tòa án xét xử.

- Khởi kiện ông Đinh Bế H - Chủ tịch UBND huyện P H(Q H) về hành vi thiếu trách nhiệm dẫn đến việc phá hoại tài sản của gia đình ông T tại xóm P T, thị trấn T L, huyện P H, tỉnh Cao Bằng vào ngày 28/12/2015.

Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện P H(Q H) trình bày:
Diện tích đất ông T chiếm dụng để xây dựng các công trình nhà tạm đã được cơ quan có thẩm quyền thực hiện thu hồi để xây dựng công trình: Bãi đỗ xe, kho hàng hóa tại khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng. Về chủ trương chấp thuận xây dựng công trình trên, UBND tỉnh Cao Bằng đã ban hành 02 quyết định sau:

- Quyết định số 2793/QĐ-UBND ngày 24/11/2009 của UBND tỉnh Cao Bằng v/v chấp thuận địa điểm xây dựng công trình: Bãi đỗ xe, kho hàng hóa tại khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng;

- Quyết định số 2236/QĐ-UBND ngày 26/11/2010 (Viết tắt là Quyết định số 2236) của UBND tỉnh Cao Bằng v/v chấp thuận địa điểm xây dựng bổ sung công trình: Bãi đỗ xe, kho hàng hóa tại khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng;

Cơ quan chức năng đã thực hiện các trình tự, thủ tục thu hồi đất, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật đối với 4 hộ gia đình ông Nguyễn Văn H1, ông Trương Thanh B, ông Hoàng Văn P, ông Lê Bá D, cụ thể:

Ngày 26/01/2011, UBND huyện P H(Q H) ban hành:

- + Quyết định số 108/QĐ-UBND thu hồi 6.789,2 m² đất nông nghiệp của gia đình ông Nguyễn Văn H1, trú tại xóm P T, thị trấn T L, huyện P H, thửa đất

bị thu hồi thuộc thửa số 1, 19 tờ bản đồ mặt bằng hiện trạng bồi thường giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình: Bãi đỗ xe, kho hàng hóa tại khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng, huyện P H, tỉnh Cao Bằng.

+ Quyết định số 109/QĐ-UBND thu hồi 5.134,8 m² đất nông nghiệp của gia đình ông Trương Thanh B, trú tại xóm Phia Khoang, thị trấn T L, huyện P H, thửa đất bị thu hồi thuộc thửa số 11; 175; 176; 177; 177a; 185; 186; 186a; 178; 165, tờ bản đồ mặt bằng hiện trạng bồi thường giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình: Bãi đỗ xe, kho hàng hóa tại khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng, huyện P H, tỉnh Cao Bằng.

+ Quyết định số 110/QĐ-UBND thu hồi 362,8 m² đất nông nghiệp của gia đình ông Hoàng Văn P, trú tại xóm P T, thị trấn T L, huyện P H, thửa đất bị thu hồi thuộc thửa số 211b; 210a, tờ bản đồ mặt bằng hiện trạng bồi thường giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình: Bãi đỗ xe, kho hàng hóa tại khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng, huyện P H, tỉnh Cao Bằng.

+ Quyết định số 111 thu hồi 3.913,4 m² đất nông nghiệp của gia đình ông Lê Bá D, trú tại xóm P T, thị trấn T L, huyện P H, thửa đất bị thu hồi thuộc thửa số 156; 155; 179, tờ bản đồ mặt bằng hiện trạng bồi thường giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình: Bãi đỗ xe, kho hàng hóa tại khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng, huyện P H, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi giải phóng mặt bằng, UBND tỉnh Cao Bằng ban hành Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 02/3/2011 về việc cho Công ty CT thuê đất xây dựng công trình bãi đỗ xe, kho hàng hóa tại khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng huyện P H, tỉnh Cao Bằng. Ngày 26/4/2011, Sở Tài nguyên và môi trường (Sở TN&MT) Cao Bằng và Công ty CT đã ký hợp đồng thuê đất số 15/2011/HĐ-TĐ, trên cơ sở đó cơ quan chức năng đã tiến hành giao đất cho Công ty CT để thực hiện dự án với tổng diện tích 19.232m².

Diện tích đất mà ông Nguyễn Văn T sử dụng nằm trong tổng diện tích dự án đã được phê duyệt bồi thường giải phóng mặt bằng cho ông Lê Bá D (nhận chuyển nhượng từ ông Trương Văn B) tổng diện tích là 3.913,4m² theo Quyết định thu hồi đất số 111/QĐ-UBND ngày 26/01/2011 của UBND huyện P H, thửa đất bị thu hồi thuộc thửa số 156; 155; 179, tờ bản đồ mặt bằng hiện trạng bồi thường giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình.

Sau hơn 2 năm Công ty CT thuê đất, ngày 03/10/2013 UBND tỉnh Cao Bằng ban hành Quyết định số 1577/QĐ-UBND (Viết tắt là Quyết định số 1577) v/v thu hồi một phần diện tích đất đã cho Công ty CT thuê và giao cho BQLKKT tỉnh Cao Bằng quản lý theo quy hoạch. Tổng diện tích thu hồi là 8.630,9 m², gồm thửa số 03 và 05, tờ bản đồ số 92 đo đạc năm 2012 tại xóm P T, thị trấn T L, huyện P H, Tỉnh Cao Bằng.

Ngày 17/10/2013 UBND huyện P H(Q H), BQLKKT tỉnh Cao Bằng, BQLCK Tà Lùng và Công ty CT đã tiến hành thực hiện cắm mốc tại thực địa

đối với khu đất thu hồi của Công ty CT. Qua điều tra xác minh xác định phần đất ông T chiếm dụng nằm hoàn toàn trong phần đất UBND tỉnh Cao Bằng thu hồi của Công ty CT để giao lại cho BQLKKT tỉnh. Căn cứ Khoản 1, Điều 100 Luật đất đai năm 2013, ông Nguyễn Văn T không có một loại giấy tờ nào chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của mình. Như vậy, cho đến thời điểm hiện nay chỉ có BQLKKT tỉnh Cao Bằng mới có quyền sử dụng hợp pháp đối với lô đất nêu trên.

Các loại tài sản trên đất của ông Nguyễn Văn T do xây dựng trái phép được hình thành sau khi UBND tỉnh cho Công ty CT thuê đất. Cơ quan chức năng đã nhiều lần đối thoại, tuyên truyền, vận động gia đình ông T tháo dỡ công trình vi phạm nhưng ông T không tự giác chấp hành. Sau nhiều lần làm việc với gia đình ông T nhưng không có kết quả, thường trực huyện ủy đã có buổi làm việc vào ngày 09/12/2015 với các cơ quan liên quan để giải quyết dứt điểm vướng mắc trong việc thực hiện Quyết định số 1577 và ban hành thông báo kết luận số 21/TB-HU ngày 11/12/2015 giao nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị thực hiện.

Ngày 22/12/2015 BQLCK Tà Lùng có Công văn số 200/BQL-QLHT đề nghị UBND huyện P H(Q H) bảo vệ hiện trường thi công công trình: Đường xuống bến xuất nhập khẩu hàng hóa tại khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng.

Thực hiện kết luận của Thường trực Huyện ủy, đề nghị của BQLCK Tà Lùng, UBND huyện P H(Q H) đã ban hành Kế hoạch 144/KH-UBND ngày 24/12/2015 để tổ chức bảo vệ hiện trường. Ngày 28/12/2015 BQLCK Tà Lùng đã tổ chức thi công, tháo dỡ công trình vật kiến trúc do gia đình ông T xây dựng trái phép. Trước khi thi công các vật dụng của gia đình ông T đã được UBND thị trấn T L lập biên bản thống kê số lượng cụ thể và gửi thông báo cho ông T đến nhận lại 02 lần nhưng ông T không nhận.

Việc ông T cho rằng UBND huyện P H(Q H) cưỡng chế, thu hồi đất, hủy hoại tài sản của ông T là không đúng mà chỉ thực hiện nhiệm vụ phối hợp đảm bảo an ninh trật tự, bảo vệ hiện trường để BQLKKT tỉnh thi công công trình đường xuống bến xuất nhập khẩu hàng hóa tại khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng.

Với những căn cứ nêu trên có thể thấy, việc ông Nguyễn Văn T khởi kiện Quyết định giải quyết khiếu nại số 1353, yêu cầu Chủ tịch UBND huyện P H(Q H) bồi thường tài sản, thiệt hại kinh doanh trên đất và khởi kiện hành vi thiếu trách nhiệm của Chủ tịch UBND huyện P H(Q H) dẫn đến hủy hoại tài sản là không có cơ sở.

Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng trình bày:

Nhất trí với trình bày của người bị kiện, qua xem xét nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Văn T thấy rằng việc khởi kiện Quyết định số 1353 sẽ liên quan đến các Quyết định thu hồi đất của các hộ dân để giao cho Công ty CT. Căn cứ đơn xin thuê đất của Công ty CT, ngày 26/11/2010 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2236 về việc chấp thuận địa điểm thuê đất. Từ khi có quyết

định cho Công ty CT thuê đất, UBND tỉnh Cao Bằng đã giao cho UBND huyện P H(Q H) thực hiện xong công tác giải phóng mặt bằng nhưng trong thời gian này không hề có phát sinh khiếu nại từ phía ông T. Chỉ đến khi UBND tỉnh ban hành Quyết định thu hồi một phần đất đã giao cho Công ty CT để giao cho BQLKKT tỉnh thì ông T mới có đơn khiếu nại.

Việc thu hồi đất của Công ty CT giao cho BQLKKT tỉnh về bản chất là thu hồi của tổ chức để bàn giao cho tổ chức, không liên quan đến cá nhân, hộ gia đình sử dụng đất.

Đối với nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại số 1353 của Chủ tịch UBND huyện P H(Q H), UBND tỉnh hoàn toàn nhất trí.

Đại diện theo ủy quyền của Ban quản lý khu kinh tế tỉnh trình bày:
Nhất trí với quan điểm của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND tỉnh Cao Bằng về quá trình thực hiện việc thu hồi đất để giao cho Công ty CT thuê và việc thu hồi một phần đất đã giao cho Công ty CT thuê để giao cho BQLKKT tỉnh. Quá trình giao đất cho BQLKKT tỉnh được thực hiện đầy đủ và đúng trình tự thủ tục giao đất, thu hồi đất theo quy định. Yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không đúng vì: Người khởi kiện không chứng minh được nguồn gốc đất; xây dựng vi phạm quy hoạch và xây trên diện tích đất đã giao cho chủ thể khác quản lý nên việc không bồi thường là phù hợp với khoản 2 Điều 43 Luật đất đai năm 2003. Nhất trí với Quyết định số 1353 của Chủ tịch UBND huyện P H(Q H) về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T.

Đại diện theo ủy quyền của Ban quản lý cửa khẩu Tà Lùng trình bày:
Sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1577 thu hồi một phần đất đã giao cho Công ty CT thuê để giao cho BQLKKT tỉnh. BQLKKT tỉnh đã ủy quyền cho BQLCK Tà Lùng trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh trên phần đất được giao cho BQLKKT tỉnh như: Cắm mốc tại thực địa, lập biên bản xác định chủ sở hữu đối với tài sản trên đất thu hồi của Công ty CT... Kết quả làm việc với Công ty CT cho thấy các loại tài sản, vật kiến trúc trên đất không phải do Công ty CT xây dựng mà hình thành do gia đình ông Nguyễn Văn T lấn chiếm, xây dựng trái phép. Các cơ quan chức năng đã tổ chức rất nhiều cuộc làm việc với ông Nguyễn Văn T để đối thoại, tuyên truyền, vận động, thuyết phục tháo dỡ các công trình vi phạm nhưng ông T không hợp tác chấp hành.

Trong việc tháo dỡ vật kiến trúc do gia đình ông Nguyễn Văn T xây dựng trái phép trên khu đất đã được UBND tỉnh Cao Bằng giao để quản lý theo quy hoạch, BQLKKT tỉnh Cao Bằng đã làm đúng trách nhiệm và thẩm quyền của cơ quan quản lý nhà nước đối với khu đất được giao.

Do đó, việc ông Nguyễn Văn T yêu cầu Chủ tịch UBND huyện P H(Q H) bồi thường tài sản, thiệt hại kinh doanh trên đất và khởi kiện hành vi thiếu trách nhiệm của Chủ tịch UBND huyện P H(Q H) dẫn đến việc phá hoại tài sản của

gia đình ông tại xóm P T, thị trấn T L, huyện P H, tỉnh Cao Bằng vào ngày 28/12/2018 là không có cơ sở.

Đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên CT trình bày: Công ty CT đã được UBND tỉnh Cao Bằng cho thuê đất để thực hiện dự án xây dựng công trình: Bãi đỗ xe, Kho hàng hóa tại cửa khẩu Tà Lùng, huyện P H tỉnh Cao Bằng theo Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 03/3/2011. Diện tích cho thuê 19.232 m². Vị trí, ranh giới của khu đất cho thuê được xác định cụ thể trong bản đồ mặt bằng địa giới thuê đất tỷ lệ 1/1000, do Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt số 12/TĐ-TNMT ngày 28/01/2011. Thời gian thuê đất là 30 năm.

Ngày 03/10/2013 UBND tỉnh Cao Bằng ban hành Quyết định số 1577/QĐ- UBND về việc thu hồi một phần diện tích đất đã giao cho Công ty CT thuê và giao cho BQLKKT tỉnh Cao Bằng quản lý theo quy hoạch. Tổng diện tích thu hồi và giao đất là 8.630,9m². Vị trí địa điểm tại xóm P T, thị trấn T L, huyện P H, tỉnh Cao Bằng (thuộc thửa đất số 03 và thửa số 05, tờ bản đồ số 92 đo đạc năm 2012); tại một phần lô số 37 trong bản đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan quy hoạch chung xây dựng thị trấn T L, huyện P H.

Việc thu hồi đất của Công ty CT được thực hiện theo đúng quy định của Luật đất đai 2003, lý do thu hồi đất của Công ty để thực hiện phục vụ mục đích công cộng tại khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng. Trong quá trình thực hiện thu hồi có xác định tài sản vật kiến trúc trên đất đối với khu đất thu hồi, xác định chi phí Công ty đã đầu tư tại khu đất bị thu hồi để tính giá trị bồi thường khi nhà nước thu hồi đất. Tại thời điểm thu hồi ông T đã xây dựng lấn chiếm vào diện tích đất mà Công ty CT đang quản lý. Việc xây dựng vi phạm của ông Nguyễn Văn T đã được Công ty báo cáo với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng thực hiện xử lý với hành vi vi phạm của ông T.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, Công ty CT cho rằng không có căn cứ. Công ty CT hoàn toàn nhất trí với nội dung Quyết định số 1353 của Chủ tịch UBND huyện P H(Q H) về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Hải, địa chỉ: xóm Đoòng Lềng, thị trấn T L, huyện P H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Bá D trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2019; ngày 19/11/2019 và tại bản tự khai ngày 22/11/2020: Gia đình ông bị thu hồi 3.913,4m² đất nông nghiệp tại Tà Lùng, P H, Cao Bằng theo Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 26/11/2011 của UBND huyện P H. Quá trình thực hiện việc thu hồi đất, cơ quan chức năng đã ban hành thông báo về việc thu hồi đất, đo đạc diện tích, kiểm đếm tài sản trên đất, họp lấy ý kiến nhân dân về phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư...Trong quá trình thực hiện việc thu hồi đất, gia đình ông luôn có thái độ hợp tác với cơ quan chức năng và hoàn toàn nhất trí với chủ trương thu hồi đất để phục vụ mục đích phát triển kinh tế xã hội.

Xác nhận ngày 19/10/2009 ông nhận chuyển nhượng với ông Trương Văn B (Trương Thanh B), địa chỉ: Pồ Tập, Tà Lùng, P H, Cao Bằng toàn bộ diện tích đất nằm phía trước nhà ông B vị trí từ cột điện trước cửa nhà ra đến bờ sông, ông không nhớ diện tích cụ thể. Ông T ký tên vào giấy xác nhận này với tư cách là người làm chứng. Ông T không hề chung tiền với ông mua thửa đất này. Ông cũng được biết ông T không mua riêng với ông B thửa đất nào cả.

Diện tích đất 3.913,4m² của ông bị UBND huyện P Hthu hồi năm 2011 nằm hoàn toàn trong phần đất ông nhận chuyển nhượng với ông B năm 2009. Xác nhận ông T xây dựng nhà và công trình trái phép trên diện tích đất này vào khoảng năm 2012, thời điểm đó đất này đã được Nhà nước giao cho Công ty CT thuê.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn P trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2019: Gia đình ông có được bán cho ông T và ông Tiến lần đầu 1 đám đất, sau đó bán cho ông T 1 đám nữa. Đám đất ông bán cho ông T xa khu vực đang tranh chấp, diện tích, vị trí cụ thể đất đã bán cho 2 ông Tiến, Tin ông không nhớ. Giấy tờ mua bán ông không nhớ, số tiền bán đất cũng không nhớ. Việc thu hồi đất và giải phóng mặt bằng như thế nào ông không biết vì đã bán đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn H1 (Nguyễn Đình Hoan) trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 18/7/2019 và tại bản tự khai ngày 01/12/2020: Trong phần đất liên quan đến khiếu kiện của ông T có một phần diện tích khoảng 1000m² là của ông bán lại cho ông Lê Bá T1 vào khoảng năm 2008-2009. Do đã bán đất cho ông Tiến nên việc thu hồi, giải phóng mặt bằng ông không biết.

Ông Hoan đề nghị Tòa giải quyết vắng mặt ông trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án và xin được vắng mặt trong tất cả các phiên xét xử của Tòa án các cấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Thanh B trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2019: Ông B có được chuyển nhượng đất cho ông Lê Bá D nhưng không xác định được diện tích đất, bán năm 2011-2012, gồm 4-5 đám đất và chỉ ranh giới trên thực địa thuộc xóm P T, thị trấn T L. Ông T có ký tên vào giấy chuyển nhượng nhưng không biết với tư cách gì. Thửa đất đã bán cho ông D có phải thửa đất UBND huyện P Hthu hồi của ông D để giao cho Công ty CT không thì ông không biết. Nhà và công trình kiến trúc ông T xây dựng trên đất thuộc quyền quản lý của Công ty CT thuộc phần đất ông đã bán cho ông D. Giấy xác nhận ngày 20/6/2010 không phải xác nhận việc ông bán đất cho ông T, ông chỉ được ký vào giấy xác nhận do em cậu Hoàng Văn Phú (ở Đắc Lắc) mang cho ông ký, ông không nhớ nội dung. Ông không được bán riêng cho ông T thửa đất nào.

Bản án số 15/2021/HC-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng căn cứ: khoản 2, 3 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điểm a khoản 1 Điều 116; Điều 193; khoản 1 Điều 358 Luật tổ tụng hành chính năm

2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc:
 - Hủy Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 29/08/2016 của Chủ tịch UBND huyện P H(Q H) và trả lại diện tích đất 3.175,8m² cho gia đình ông T.
 - Về hành vi thiếu trách nhiệm của Chủ tịch UBND huyện P H(Q H) dẫn đến phá hoại tài sản của ông T.
 - Yêu cầu Chủ tịch UBND huyện P H(Q H), tỉnh Cao Bằng phải bồi thường thiệt hại toàn bộ tài sản trên đất, thiệt hại kinh doanh là 1.462.300.000^d (Một tỷ bốn trăm sáu mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng).

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 6.400.000^d (sáu triệu bốn trăm nghìn đồng). Ông T đã nộp đủ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 10 năm 2021, ông Nguyễn Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện ông Nguyễn Văn T có ý kiến: Giữ nguyên nội dung kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Lý do và căn cứ như ông đã trình bày và cung cấp tại Tòa án cấp sơ thẩm. Tại Tòa án cấp phúc thẩm ông cung cấp thêm tài liệu gồm: giấy viết tay (photo) tên Hoàng Văn Phú trình bày nhận tiền và bán đất cho ông Nguyễn Văn T giá 170.000.000 đồng, Giấy xác nhận (photo) tên Trương Văn B xác nhận bán đất 1,7 tỷ. Ông Tiến và ông T trực tiếp trả tiền và hai ông đề nghị giấy tờ chuyển nhượng đất cho ông Lê Bá D đứng tên hộ; Giấy viết tay (photo) tên Hoàng Nhật Ánh viết và một số bức ảnh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T có ý kiến: Thống nhất với ý kiến của ông Nguyễn Văn T.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T có ý kiến: Ông Nguyễn Văn T và ông Lê Bá T1 mua đất đứng tên ông Lê Bá D. Quyết định thu hồi đất đối với ông Lê Bá D có sự nhầm lẫn. Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ không đầy đủ. Quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân huyện P H(Nay là UBND huyện Q H) và của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng thu hồi đất không bồi thường cho ông T, phá tài sản của ông trên đất đã gây thiệt hại cho ông T. Trong quá trình giải quyết vụ án chưa thu thập bản đồ 299. Do vậy, đề nghị Tòa

án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm đề thu thập Bản đồ 299.

Phản tranh luận ông T đồng ý với ý kiến của Luật sư đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Ủy ban nhân dân huyện Q H có ý kiến: Tại Văn số 671/UBND-TNMT ngày 07/6/2022, nhất trí với nội dung của Bản án sơ thẩm số 15/2021/HC-ST, ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Ý kiến của ông Lê Bá D tại Văn bản ngày 21/11/2022: Trong quá trình giải quyết vụ án ông D đã có văn bản trình bày ý kiến toàn bộ nội dung liên quan đến vụ án và cung cấp đầy đủ tài liệu chứng cứ bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ban quản lý Khu kinh tế có ý kiến tại Văn bản số 841/BQL-QLĐTQHXTNMT, ngày 27/5/2022: Nhất trí với nội dung Bản án sơ thẩm số 15/2021/HC-ST, ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng. Ông Nguyễn Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm là không có cơ sở.

Người bảo vệ quyền lợi cho UBND tỉnh Cao Bằng là ông Chu Đức Q có ý kiến: Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 29/08/2016 của Chủ tịch UBND huyện P H(Q H) được ban hành đúng thẩm quyền. Trình tự, thủ tục quyết định thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng không thu hồi đất của cá nhân, hộ gia đình, chỉ thu hồi đất của Công ty CT và đã được thu hồi đúng trình tự, thủ tục.

Việc cưỡng chế tài sản trên đất của ông T đã ban hành Kế hoạch 144. Trước đó UBND thị trấn T L đã có quyết định xử phạt vi phạm hành chính, buộc tháo dỡ tài sản xây dựng trái phép đối với ông Nguyễn Văn T. Trình tự, thủ tục cưỡng chế công khai, đúng quy định. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T. Đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:

Về việc chấp hành pháp luật: Tại cấp phúc thẩm người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của luật tố tụng đến trước khi nghị án.

Về nội dung kháng cáo: Yêu cầu hủy quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 29/8/2016 của Chủ tịch UBND huyện P H(này là Q H) và trả lại diện tích đất 3.175,8m² cho gia đình ông T:

Về trình tự, thủ tục, thời hạn và thẩm quyền ban hành quyết định: Đúng thẩm quyền, thời hạn ban hành quyết định giải quyết khiếu nại quá hạn 1 tháng 4 ngày, các nội dung khác vẫn đảm bảo theo trình tự, thủ tục luật định. Lý do ban hành quá hạn là kéo dài thời gian giải quyết khiếu nại để tiến hành xác minh bổ sung.

Về nội dung khiếu nại về nguồn gốc đất của ông Nguyễn Văn T: Với những tài liệu chứng cứ mà ông Nguyễn Văn T đưa ra trong quá trình giải quyết

vụ án và tại phiên tòa không có đủ cơ sở để chứng minh có việc chuyển nhượng đất đai giữa ông B và ông T. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P H(Q H) kết luận nội dung ông T khiếu nại về nguồn gốc đất đai sai toàn bộ là có căn cứ.

Về yêu cầu xem xét việc cưỡng chế thu hồi đất và hủy hoại tài sản của Chủ tịch UBND huyện P H(Q H) vào ngày 28/12/2015; yêu cầu bồi thường thiệt hại và hành vi thiếu trách nhiệm của Chủ tịch UBND huyện P H(Q H) dẫn đến phá hoại tài sản của ông T: Diện tích 8.630,9m² thu hồi của Công ty CT để giao cho Ban quản lý khu kinh tế tỉnh theo Quyết định số 1577 thuộc thửa đất số 03 và thửa số 05, tờ bản đồ 92 đo đạc năm 2012. Đối chiếu với bản đồ hiện trạng kết quả thẩm định tại chỗ đo vẽ ngày 23/8/2019 thì toàn bộ diện tích đất ông T cho rằng ông nhận chuyển nhượng với ông B trùng lên thửa số 03 của tờ bản đồ số 92. Do đó, diện tích đất liên quan đến khiếu kiện của ông T nằm trong tổng diện tích 8.630,9m² đất thu hồi của Công ty CT để giao cho BQLKKT tỉnh Cao Bằng và cũng chính là phần đất nằm trong diện tích 3.913,4m² theo Quyết định thu hồi đất số 111/QĐ-UBND ngày 26/01/2011 của UBND huyện P H đối với ông Lê Bá D. Vì vậy, các loại tài sản của gia đình ông T hình thành trên khu đất đã được giao cho BQLKKT tỉnh Cao Bằng do lấn chiếm, xây dựng trái phép. Các cơ quan chức năng đã tổ chức nhiều cuộc làm việc với ông T để đối thoại, tuyên truyền, vận động, thuyết phục tháo dỡ các công trình vi phạm để bàn giao mặt bằng cho BQLKKT tỉnh nhưng ông T không hợp tác chấp hành. Ngày 25/02/2014, UBND thị trấn T L lập Biên bản về việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Văn T. Ngày 18/3/2014, Chủ tịch UBND thị trấn T L ban hành Quyết định số 84/QĐ-UBND về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Văn T vì có hành vi sử dụng đất không đúng mục đích. Ngày 24/12/2015 UBND huyện P H(Q H) ban hành Kế hoạch số 144/KH-UBND để tổ chức bảo vệ hiện trường. Ngày 28/12/2015 BQLCK Tà Lùng đã tổ chức thi công, tháo dỡ công trình vật kiến trúc do gia đình ông T xây dựng trái phép. Việc UBND huyện P H ban hành kế hoạch số 144 để bảo vệ hiện trường thi công công trình đường xuống bến xuất nhập khẩu hàng hóa tại Khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng về bản chất là hoạt động cưỡng chế áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 84/QĐ-UBND ngày 18/3/2014 của Chủ tịch UBND thị trấn T L, yêu cầu ông T khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất như trước khi vi phạm. Việc Chủ tịch UBND huyện P H tổ chức thi hành cưỡng chế dưới hình thức ban hành kế hoạch bảo vệ hiện trường mà không ban hành Quyết định cưỡng chế là thiếu sót, khiến người bị cưỡng chế nhìn nhận sự việc theo chiều hướng tiêu cực là hủy hoại tài sản. Nhưng xét về lỗi thì ông T là người phải chịu trách nhiệm đối với hành vi lấn chiếm đất đai, xây dựng nhà và công trình trái phép trên đất đã được giao cho chủ thể khác nên hoạt động cưỡng chế không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông T. Việc cưỡng chế trong trường hợp này là cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, không phải là cưỡng chế thu hồi đất theo khiếu nại của ông T vì ông T không phải người có đất bị thu

hồi. Do đó, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông T về việc xem xét hành vi hủy hoại tài sản và cưỡng chế thu hồi đất và buộc Chủ tịch UBND huyện P Hbồi thường thiệt hại về tài sản trên đất là có căn cứ.

Từ căn cứ trên, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2] Đơn kháng cáo của Người khởi kiện đảm bảo thời hạn luật định được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Đương sự vắng mặt đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt hoặc có đơn xin xét xử vắng mặt, có đương sự đã được triệu tập hợp lệ đủ điều kiện xét xử theo quy định tại Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính.

[4] Về người tham gia tố tụng: bà Phạm Thị H là vợ ông Nguyễn Văn T có tên trong Quyết định số 1353/QĐ-UBND, ngày 29/8/2016 của Chủ tịch UBND huyện P H(Nay là UBND huyện Q H), là Quyết định bị kiện, nhưng không xác định bà H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót. Tuy nhiên, không xác định bà H tham gia tố tụng không làm thay đổi bản chất vụ án. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[5] Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn T yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án, Hội đồng xét xử thấy:

[6] Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T xác định yêu cầu trả lại đất thực chất là yêu cầu kiểm đếm về đất do bị thu hồi để bồi thường và hành vi thiếu trách nhiệm của Chủ tịch UBND huyện Q H chính là hành vi bảo vệ hiện trường.

[7] Xét tính hợp pháp của Quyết định 1353/QĐ-UBND ngày 29/08/2016 (Viết tắt là Quyết định số 1353) của Chủ tịch UBND huyện P H(Q H) và trả lại diện tích đất 3175,8m² cho gia đình ông T:

[8] *Về thẩm quyền ban hành quyết định:* Chủ tịch UBND huyện P H(Q H) ban hành Quyết định số 1353 giải quyết khiếu nại tại Đơn khiếu nại ngày 25/5/2016 của ông Nguyễn Văn T là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011. Ông T và Người đại diện theo ủy quyền tại phiên tòa cũng xác định Quyết định này ban hành đúng thẩm quyền.

[9] *Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định:* Ngày 30/5/2016 ông Nguyễn Văn T nộp đơn khiếu nại đề ngày 25/5/2016 đến Chủ tịch UBND huyện P H(Q H); ngày 10/6/2016 Chủ tịch UBND huyện P H(Q H) ban hành Thông báo về

việc thụ lý giải quyết đơn khiếu nại số 29/TB-UBND; ngày 10/6/2016 Chủ tịch UBND huyện P H(Q H) ban hành Quyết định số 897/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại và Quyết định số 898/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại; ngày 06/7/2016 Tổ xác minh theo Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện P H(Q H) ban hành Báo cáo kết quả xác minh khiếu nại số 44/BC-TXM; ngày 26/7/2016 UBND huyện P H(Q H) tổ chức đối thoại giữa người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; ngày 29/08/2016 Chủ tịch UBND huyện P H(Q H) ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1353; ngày 31/8/2016 ông Nguyễn Văn T nhận được Quyết định số 1353. Căn cứ Luật khiếu nại năm 2011 thì Quyết định số 1353 ban hành quá hạn 1 tháng 4 ngày, các nội dung khác đảm bảo theo trình tự, thủ tục luật định. Lý do ban hành quá hạn là kéo dài thời gian giải quyết khiếu nại để tiến hành xác minh bổ sung và việc ban hành quyết định quá hạn không ảnh hưởng đến quyền khởi kiện của Người khởi kiện.

[10] *Về nội dung của quyết định:*

[11] Tại Đơn khởi kiện và tại phiên tòa ông T cho rằng diện tích đất 3.175m² có nguồn gốc ông mua của ông Trương Văn B và vợ là Hoàng Thị L theo giấy mua bán đề ngày 20/6/2010. Tại (BL 216) Hợp đồng thuê đất ngày 12/02/2014 thực hiện khi chưa có quyết định thu hồi đất, chưa đền bù cho gia đình ông mà Chủ tịch UBND huyện Q H đã ra thông báo bảo vệ hiện trường thi công là không đúng. UBND huyện Q H và UBND tỉnh Cao Bằng cho rằng diện tích đất ông đang yêu cầu giải quyết là có nguồn gốc của ông D là không đúng.

[12] Trong quá trình giải quyết khiếu nại, ông T cung cấp một số giấy tờ sau để chứng minh nguồn gốc đất: Giấy xác nhận ngày 20/6/2010 có chứng thực chữ ký của UBND thị trấn T L, nội dung trong giấy nêu là chặt tre và một số loại cây khác được ký giữa một bên là ông Nguyễn Văn T đại diện cho bên thi công và một bên là ông Trương Văn B đại diện gia đình; Bản cam kết bảo vệ môi trường giữa gia đình ông Trương Văn B và bến bãi bốc hàng ngày 01/6/2010; Biên bản kiểm tra bãi nổ mìn phá đá xây dựng bến bốc hàng hóa ngày 16/7/2010.

[13] Tại biên bản làm việc ngày 04/7/2016 của Tổ xác minh theo Quyết định số 898/QĐ-UBND và biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện P H(Do Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng ủy thác lấy lời khai), ông Trương Văn B xác nhận ông chỉ bán đất một lần cho ông Lê Bá D theo giấy bán đất ngày 19/10/2009 do cháu gái ông B tên Ánh viết. Giấy xác nhận ngày 20/6/2010 chỉ là xác nhận việc bên thi công chặt tre và một số cây trên phần đất đã bán cho ông Lê Bá D. Ông B có ký biên bản cam kết bảo vệ môi trường vì ông B có bán hàng tại bãi bốc hàng hóa.

[14] Tại biên bản đối thoại ngày 26/7/2016 của UBND huyện P H(Q H), ông T cho biết diện tích đất ông có khiếu nại là mua riêng với ông B, không liên quan đến phần đất ông D mua với ông B theo giấy bán đất ngày 19/10/2009. Trên cơ sở đó, người giải quyết khiếu nại thông báo kéo dài thời gian giải quyết khiếu nại để tiến hành xác minh bổ sung.

[15] Tại biên bản làm việc ngày 19/8/2016 của Thanh tra huyện P H với ông Trương Văn B và vợ là bà Hoàng Thị L, ông B vẫn xác nhận chỉ được chuyển nhượng 01 lần duy nhất cho ông Lê Bá D thửa đất có vị trí kéo dài từ cột điện trước cửa nhà ông B đến bờ sông theo giấy chuyển nhượng ngày 19/10/2009. Ông T là người làm chứng trong việc mua bán đất. Ông B không được bán đất cho ông T, giấy xác nhận ngày 20/6/2010 chỉ là việc chặt tre, cây cối của bên thi công do ông T làm đại diện. Các công trình nhà tạm mà ông T xây dựng nằm hoàn toàn trên phần đất ông B bán cho ông D theo giấy chuyển nhượng ngày 19/10/2009.

[16] Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, biên bản lấy lời khai ngày 19/11/2019 và bản tự khai ngày 22/11/2020 ông Lê Bá D xác nhận ngày 19/10/2009 ông nhận chuyển nhượng với ông Trương Văn B toàn bộ diện tích đất kéo dài từ cột điện trước cửa nhà ông B đến bờ sông, ông T ký tên vào giấy chuyển nhượng này với tư cách người làm chứng. Ngoài ra ông được biết ông B không bán riêng cho ông T thửa đất nào cả. Diện tích đất 3.913,4m² ông D bị thu hồi theo Quyết định số 111/QĐ-UBND nằm toàn bộ trong phần đất ông D nhận chuyển nhượng với ông B. Ông T xây dựng nhà và công trình trái phép trên đất này vào khoảng năm 2012, khi đó đất đang thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty CT.

[17] Về giấy chuyển nhượng ngày 20/6/2010, tiêu đề có ghi “*Giấy xác nhận tôi Trương Văn B có nhượng đất cho anh Tin*”, tuy nhiên phần nội dung lại chỉ xác nhận việc ông T có chặt tre trên phần đất làm bến bãi bốc hàng và liệt kê các loại cây cối trên đất; không có bất cứ nội dung nào thể hiện vị trí đất chuyển nhượng, giá trị chuyển nhượng, diện tích đất và tứ cận tiếp giáp. Dấu xác nhận của UBND thị trấn T L cũng chỉ xác nhận chữ ký của trưởng xóm Lô Văn Hội.

[18] Đối với bản cam kết bảo vệ môi trường giữa gia đình ông Trương Văn B và bến bãi bốc hàng ngày 01/6/2010; Biên bản kiểm tra bãi nổ mìn phá đá xây dựng bến bốc hàng hóa ngày 16/7/2010: Hai văn bản này không phải giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật đất đai 2013 nên không có giá trị chứng minh quyền sử dụng đất.

[19] Ngoài các giấy tờ ông T dùng để chứng minh nguồn gốc đất, các bên đương sự còn cung cấp Giấy chuyển nhượng ngày 19/10/2009 giữa bên bán là ông B, bên mua là ông D (ông T ký tên với tư cách người làm chứng). Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết khiếu nại và giải quyết vụ án, ông T khẳng định

phần đất đang có khiếu nại là ông mua với ông B theo giấy chuyển nhượng ngày 20/6/2010, không liên quan đến phần ông T nhờ ông D đứng tên mua hộ tại giấy chuyển nhượng ngày 19/10/2009. Giấy xác nhận ngày 20/10/2009 có nội dung ông Lê Bá D xác nhận đứng tên hộ về việc mua đất Pò Tập giúp ông Tiến và ông T cũng không liên quan đến phần đất ông T có khiếu nại.

[20] Diện tích 8.630,9m² thu hồi của Công ty CT để giao cho Ban quản lý khu kinh tế tỉnh theo Quyết định số 1577 thuộc thửa đất số 03 và thửa số 05, tờ bản đồ 92 đo đạc năm 2012. Đối chiếu với bản đồ hiện trạng kết quả thẩm định tại chỗ đo vẽ ngày 23/8/2019 thì toàn bộ diện tích đất ông T cho rằng ông nhận chuyển nhượng với ông B trùng thửa số 03 của tờ bản đồ số 92. Do đó, diện tích đất liên quan đến khiếu kiện của ông T nằm trong tổng diện tích 8.630,9m² đất thu hồi của Công ty CT để giao cho BQLKKT tỉnh Cao Bằng và cũng chính là phần đất nằm trong diện tích 3.913,4m² theo Quyết định thu hồi đất số 111/QĐ-UBND ngày 26/01/2011 của UBND huyện P H đối với ông Lê Bá D.

[21] Từ những căn cứ nêu trên và tại phiên tòa phúc thẩm ông T cung cấp một số bức ảnh nhưng cũng không có cơ sở để chứng minh có việc chuyển nhượng đất đai giữa ông B và ông T; quá trình giải quyết vụ án ông T cũng không xuất trình được bất kỳ một giấy tờ nào khác chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp của mình đối với thửa đất bị thu hồi. Do đó, Chủ tịch UBND huyện P H (Q H) kết luận nội dung ông T khiếu nại về nguồn gốc đất sai toàn bộ là có căn cứ.

[22] Về yêu cầu xem xét việc cưỡng chế thu hồi đất và hủy hoại tài sản của chủ tịch UBND huyện P H (Q H) vào ngày 28/12/2015; khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại và hành vi thiếu trách nhiệm của Chủ tịch UBND huyện P H (Q H) dẫn đến phá hoại tài sản của ông T:

[23] Như nhận định ở trên, diện tích đất liên quan đến khiếu kiện của ông T nằm trong tổng diện tích 8.630,9m² đất thu hồi của Công ty CT để giao cho BQLKKT tỉnh Cao Bằng và cũng chính là phần đất có diện tích 3.913,4m² theo Quyết định thu hồi đất số 111/QĐ-UBND ngày 26/01/2011 của UBND huyện P H đối với ông Lê Bá D.

[24] Do vậy, các loại tài sản, vật kiến trúc của gia đình ông Nguyễn Văn T hình thành trên khu đất đã được giao cho BQLKKT tỉnh là do lấn chiếm, xây dựng trái phép.

[25] Ngày 25/02/2014, UBND thị trấn T L lập biên bản về việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Văn T.

[26] Ngày 18/3/2014, Chủ tịch UBND thị trấn T L ban hành Quyết định số 84/QĐ-UBND về việc xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Văn T vì có hành vi sử dụng đất không đúng mục đích quy định tại điểm a khoản 5 Điều 8 Nghị định 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009.

[27] Như đã phân tích ở trên thì chủ thể được giao đất theo Quyết định 1577 là BQLKKT tỉnh, nên hành vi vi phạm của ông T bị xử lý phải là hành vi lấn, chiếm đất. Tuy có sai sót về việc áp dụng điều luật để xử lý vi phạm hành chính, nhưng ngoài hình thức xử phạt thì cả hai hành vi lấn, chiếm và sử dụng đất sai mục đích đều kèm theo biện pháp khắc phục hậu quả là người vi phạm còn bị buộc khôi phục lại tình trạng của đất như trước khi vi phạm. Quyết định số 84/QĐ-UBND về việc xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Văn T có biện pháp buộc ông T phải tháo dỡ, thu dọn trả lại mặt bằng nguyên trạng theo quy định.

[28] Về trình tự, thủ tục thực hiện tổ chức bảo vệ hiện trường thi công công trình bến xuất nhập khẩu hàng hóa: UBND huyện P H(Q H) đã ban hành Kế hoạch 144/KH-UBND ngày 24/12/2015 để tổ chức bảo vệ hiện trường. Ngày 28/12/2015, BQLCK Tà Lùng đã tổ chức thi công, tháo dỡ công trình vật kiến trúc do gia đình ông T xây dựng trái phép. Trước khi tiến hành tổ chức bảo vệ hiện trường, các cơ quan có thẩm quyền đã nhiều lần tổ chức đối thoại với gia đình ông T nhưng không có kết quả, đã ban hành nhiều thông báo gửi cho ông T về việc tháo dỡ, di dời tài sản vật kiến trúc trên đất mà không được đòi hỏi bất kỳ chi phí đền bù nào và ra hạn thời gian phải di dời nhưng ông T không hợp tác thực hiện. Do vậy, UBND thị trấn T L lập biên bản thống kê số lượng cụ thể các vật dụng của gia đình ông T và gửi thông báo cho ông T đến nhận lại lần 1 theo Thông báo số 12/TB-UBND ngày 13/01/2016 và lần 2 theo Thông báo số 46/TB-UBND ngày 22/02/2016 nhưng ông T không đến nhận.

[29] Với trình tự, thủ tục nêu trên thì việc UBND huyện P H(Q H) ban hành Kế hoạch số 144 để bảo vệ hiện trường thi công công trình Đường xuống bến xuất nhập khẩu hàng hóa tại khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng về bản chất là hoạt động cưỡng chế áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả mang tính quyền lực Nhà nước. Mà cụ thể là cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 84/QĐ-UBND ngày 18/3/2014 của Chủ tịch UBND thị trấn T L, yêu cầu ông T khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất như trước khi vi phạm.

[31] Hoạt động bảo vệ hiện trường thực chất là cưỡng chế bởi nó phù hợp với quy định tại Điều 6 (về trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế), Điều 7 (về bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế), Điều 34 (về tổ chức thi hành cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả) của Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

[32] Việc Chủ tịch UBND huyện P H(Q H) tổ chức thi hành cưỡng chế dưới hình thức ban hành kế hoạch bảo vệ hiện trường mà không ban hành quyết định cưỡng chế là thiếu sót, ảnh hưởng quyền khiếu nại, khiếu kiện của ông T, khiến người bị cưỡng chế nhìn nhận sự việc theo chiều hướng tiêu cực là hủy hoại tài sản. Nhưng xét về yếu tố lỗi thì ông T là người phải chịu trách nhiệm đối với hành vi lấn chiếm đất đai, xây dựng nhà và công trình trái phép trên đất

đã được giao cho chủ thể khác nên hoạt động cưỡng chế không làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của gia đình ông T. Trước khi thực hiện việc cưỡng chế, gia đình ông T nhiều lần được thông báo tự di dời, tháo dỡ tài sản nhưng không hợp tác chấp hành. Do đó việc di dời, tháo dỡ các tài sản ông T xây dựng trái phép là cần thiết và để đảm bảo công tác giải phóng mặt bằng cho chủ đầu tư, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Việc cưỡng chế trong trường hợp này là cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, không phải là cưỡng chế thu hồi đất theo khiếu nại của ông T vì ông T không phải người có đất bị thu hồi. Do đó, nội dung yêu cầu xem xét về hành vi hủy hoại tài sản và cưỡng chế thu hồi đất đối với Chủ tịch UBND huyện P H(Q H) và buộc Chủ tịch UBND huyện P H(Q H) phải bồi thường thiệt hại về tài sản trên đất là 526.300.000^d (Năm trăm hai mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng), thiệt hại về kinh doanh là 156.000.000^d/năm x 6 năm = 936.000.000^d (tính từ tháng 12/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm). Tổng số tiền Chủ tịch UBND huyện P H(Q H) phải bồi thường thiệt hại cho ông T là 1.462.300.000^d là không có căn cứ chấp nhận.

[33] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy Quyết định 1353 đảm bảo tính hợp pháp theo quy định của pháp luật. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc: Hủy bỏ Quyết định 1353/QĐ-UBND ngày 29/08/2016 của Chủ tịch UBND huyện P H(Q H) và trả lại diện tích đất 3.175,8m²; Về yêu cầu buộc Chủ tịch UBND huyện P H(Q H), tỉnh Cao Bằng phải bồi thường thiệt hại toàn bộ tài sản trên đất, thiệt hại kinh doanh; Về hành vi thiếu trách nhiệm của Chủ tịch UBND huyện P H(Q H) dẫn đến phá hoại tài sản của ông T.

[34] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy ông Nguyễn Văn T, người đại diện theo ủy quyền của ông T và Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông T yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại do chưa thu thập được bản đồ 299 là không có căn cứ chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với quy định.

[35] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn T; Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2021/HC-ST, ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0000016 ngày 18/10/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP; HSVA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hoa